

## CHƯƠNG I

# KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DI SẢN THẾ GIỚI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ LIÊN QUAN

Môi trường sống của con người bao gồm toàn bộ “các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất, sự tồn tại và phát triển của con người và thiên nhiên”. Như vậy, môi trường được tạo thành bởi vô số các yếu tố vật chất tự nhiên (đất, nước, ánh sáng, không khí, hệ động thực vật...) là những yếu tố cơ bản cùng với các yếu tố nhân tạo do con người tạo ra nhằm tác động tới các yếu tố tự nhiên để phục vụ nhu cầu của mình. Từ đó người ta thấy rằng các Di sản văn hóa và Di sản tự nhiên trên thế giới cũng là nhân tố của môi trường, là những tài sản vô giá của nhân loại, không chỉ thuộc về mỗi dân tộc, mỗi quốc gia mà đó là “tài sản” chung của loài người. Tuy nhiên khi nói đến “tài sản” điều đó không có nghĩa chỉ đơn thuần là của cải vật chất mà hơn thế nữa những “tài sản vô giá” này biểu hiện cho sự tồn tại và phát triển bền vững của toàn nhân loại. “Trong đây chuyên cuộc sống, nó được chuyển giao, gìn giữ, phát triển để rồi tiếp tục chuyển giao”.

Vì vậy, chúng ta cần phải nhận thức một cách đầy đủ, chính xác và toàn diện về bản chất, những giá trị cũng như thực trạng của các Di sản văn hóa và tự nhiên mới có thể làm tốt được việc “gìn giữ” và “phát triển” các di sản ấy để “chuyển giao” chúng cho thế hệ tương lai.

### 1.1 Một số quan niệm về Di sản văn hóa và Di sản tự nhiên

Cụm từ di sản theo cách hiểu thông thường là những gì có từ trước, do thế hệ trước truyền lại và được thế hệ sau kế thừa. Trong lĩnh vực khoa học pháp luật dân sự, thuật ngữ “di sản” được hiểu ở một góc độ cụ thể hơn đó là những tài sản mà người chết để lại. Chúng ta cũng bắt gặp thuật ngữ “di sản chung của loài người” trong Công ước Liên Hợp Quốc năm 1982 về Luật biển “đáy biển, lòng đất dưới đáy biển nằm bên ngoài giới hạn quyền tài phán quốc gia là di sản chung loài người”.

Ở đây, khi xem xét khái niệm Di sản thế giới (DSTG), chúng ta phải đặt nó trong mối quan hệ với các thành phần khác của môi trường bởi vì các DSTG cũng chính là yếu tố tạo thành môi trường sống xung quanh con người. Hiện nay, do sự tác động của khoa học kĩ thuật và việc mở rộng các khái niệm về lịch sử, văn hóa nên mọi thứ hiện hữu đều có xu hướng bị gộp cả vào thành di sản

của loài người. Vì vậy, có rất nhiều các quan niệm khác nhau về DSTG, từ đó việc phân loại và gọi tên các di sản đó cũng khác nhau.

\* Căn cứ vào nguồn gốc tạo lập, toàn bộ các di sản có thể được chia thành ba nhóm chính:

- 1 Di sản văn hóa (DSVH) trong đó bao gồm các DSVH vật thể và DSVH phi vật thể
- 2 Di sản tự nhiên (DSTN)
- 3 Di sản hỗn hợp (DSHH) kết hợp các giá trị của DSTN (thiên tạo) và DSVH (nhân tạo)

Đây là cách phân loại phổ biến nhất và đang được nhiều người thừa nhận hiện nay. Đặc biệt đã được UNESCO tổ chức các cuộc hội thảo quốc tế để xây dựng thành các định nghĩa cụ thể, rõ ràng cho mỗi loại di sản.

\* Căn cứ vào tính chất của tài sản có thể phân chia các di sản thành hai loại gồm:

- 1 Di sản là bất động sản gồm những tài sản không thể di chuyển được như các công trình xây dựng, địa điểm và các tài sản khác gắn liền với công trình, địa điểm đó mà nếu tách rời ra sẽ làm cho công trình không sử dụng được hoặc mất đi giá trị lịch sử, thẩm mỹ, khoa học ban đầu.
- 2 Di sản là động sản gồm những tài sản có thể di dời được chẳng hạn như các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia được lưu truyền lại có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học.

Cách phân loại như trên nhằm mục đích xác định các biện pháp về pháp luật, quản lý nhà nước... để bảo vệ mỗi loại di sản phù hợp với tính chất của chúng. Ví dụ các di sản là động sản như di vật, cổ vật, ngoài việc có các biện pháp bảo vệ giá trị của chúng, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền còn đưa ra các qui định pháp luật nhằm hạn chế tình trạng buôn bán, xuất lậu cổ vật ra nước ngoài. Tuy nhiên trên thực tế, có nhiều loại di sản được xác định ban đầu là bất động sản lại có nhiều khả năng trở thành động sản (như các di vật, cổ vật, gắn liền với các di tích lịch sử, văn hóa bị đánh cắp và trở thành đối tượng mua bán trên thị trường).

\* Căn cứ vào thuộc tính giá trị của di sản có thể phân loại các di sản thành di sản có giá trị hữu hình (giá trị của những di sản này được vật chất hóa dưới dạng các thành tựu văn hóa hoặc tự nhiên như đền đài, lăng tẩm, các cảnh quan thiên nhiên...) và di sản có giá trị vô hình (giá trị của những di sản này được kết tinh ở phong tục, tập quán, lối sống, ngành nghề truyền thống mang đặc trưng về tinh thần của một cộng đồng...)

Theo chúng tôi, trong các cách phân loại di sản thế giới ở trên, việc phân

loại di sản dựa vào nguồn gốc tạo lập là hợp lý hơn cả vì nó có thể bao quát toàn bộ các di sản trong kho tàng di sản chung của loài người, đồng thời tách biệt rõ ràng giữa hai yếu tố văn hóa và tự nhiên, xác định một cách rõ ràng nguồn gốc hình thành của mỗi di sản. Vì vậy, đề tài sẽ nghiên cứu các di sản dựa trên việc phân loại thành DSVH, DSTN và DSHH.

### ***1.1.1 Di sản văn hoá***

Là các sản phẩm, các giá trị văn hóa do các thế hệ trước sáng tạo và truyền lại cho các thế hệ sau, hay nói cách khác DSVH “bao gồm di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể là những sản phẩm vật chất, tinh thần có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác”.

☒ Di sản văn hóa vật thể là các sản phẩm vật chất mang một giá trị, ý nghĩa đặc biệt về mặt truyền thống lịch sử, nghệ thuật hoặc khoa học.

Ví dụ:

\* Các công trình kiến trúc: Tòa thánh Vatican, Vạn lý trường thành - Trung quốc, Điện Westminster - Anh, Nhà thờ lớn Charter - Pháp...

\* Các công trình điêu khắc, hội họa : Tranh vẽ trên vách đá ở Valcamonica – Ý, Tượng nữ thần tự do - Mỹ...

\* Các công trình xây dựng: Khu phố cổ Hội An - Việt Nam, Thành cổ, pháo đài và quần thể kiến trúc Carthagena - Ba Lan...

\* Các di chỉ khảo cổ: Di chỉ văn minh Maya ở Côpan, Mộ cổ Hal Seflieni ở Manta.

☒ Di sản văn hóa phi vật thể là những sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền bằng miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu giữ, lưu truyền khác... bao gồm các loại hình phong tục, tập quán, tiếng nói, chữ viết, kho tàng văn học dân gian, các hình thức văn nghệ, ca, múa, nhạc truyền thống, diễn xướng dân gian, lễ hội, ngành nghề thủ công, phương pháp và bài thuốc chữa bệnh, văn hóa ẩm thực, trang phục truyền thống... của các dân tộc trên thế giới. Tùy theo góc độ nghiên cứu của các nhà khoa học mà thuật ngữ DSVH phi vật thể được đặt cho những tên gọi khác nhau như Di sản văn hóa tinh thần, Di sản văn hóa dân gian, Di sản văn hóa truyền thống...

So sánh với khái niệm về môi trường thì DSVH cũng là một nhân tố tạo thành môi trường nhưng chúng ta chỉ xem xét các DSVH ở khía cạnh là các DSVH vật thể (các công trình kiến trúc, bất động sản và động sản gắn liền) mà thôi bởi vì văn hóa phi vật thể không được xem là yếu tố tạo thành môi trường

sống (môi trường vật chất) mà đó là yếu tố thuộc về môi trường văn hóa xã hội. Hơn nữa, các DSVH phi vật thể với các yếu tố như: bí quyết sản xuất (quyền bản quyền), lễ hội, các hình thức nghệ thuật, diễn xướng ... không thuộc đối tượng bảo vệ của ngành Luật Môi trường mà thuộc đối tượng bảo vệ của ngành Luật Dân sự và là đối tượng nghiên cứu của các ngành khoa học khác. Vì vậy, đề tài chỉ nghiên cứu về chế độ pháp lý và thực tiễn của việc công nhận và bảo vệ các DSVH vật thể.

Theo định nghĩa của tổ chức UNESCO, DSVH bao gồm:

*“ Các di tích: các công trình kiến trúc, điêu khắc hoặc hội họa hoành tráng, các yếu tố hay kết cấu có tính chất khảo cổ học, các văn bản, các hang động và nhóm yếu tố có giá trị quốc tế đặc biệt về phương diện lịch sử, nghệ thuật hay khoa học;*

*Các quần thể: các nhóm công trình xây dựng đứng một mình hoặc quần tụ có giá trị quốc tế đặc biệt về phương diện lịch sử, nghệ thuật hay khoa học, do kiến trúc, sự thống nhất của chúng hoặc sự nhất thể hóa của chúng vào cảnh quan;*

*Các thắng cảnh: các công trình của con người hoặc những công trình của con người kết hợp với các công trình của tự nhiên, cũng như các khu vực, kể cả các di chỉ khảo cổ học, có một giá trị quốc tế đặc biệt về phương diện lịch sử, thẩm mỹ, dân tộc học hoặc nhân chủng học”.*

Như vậy, định nghĩa về DSVH của UNESCO đã xác định rõ ràng yếu tố “do con người” và “của con người” ở các DSVH. Nó bao hàm toàn bộ các sản phẩm do bàn tay, khối óc con người tạo nên. Hoạt động xây dựng của con người khác hẳn với sự sắp đặt của tự nhiên, do đó những sản phẩm do con người tạo nên cho dù kết hợp với các công trình tự nhiên đều mang “tính văn hoá”, chứa đựng tri thức và tinh thần của xã hội loài người.

Ở Việt Nam, Luật DSVH năm 2001 đã gọi chung tất cả các sản phẩm do con người tạo nên (các di tích lịch sử, văn hoá, các sản phẩm văn hóa tinh thần), các sản phẩm của tự nhiên (cảnh quan thiên nhiên) và cả những sản phẩm hỗn hợp kết hợp giữa nhân tạo và thiên tạo có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học bằng một thuật ngữ chung là “di sản văn hoá”. Qui định như vậy đã làm cho khái niệm DSVH có nội hàm rất rộng, không thể xác định được một cách cụ thể, rõ ràng các yếu tố tự nhiên và văn hóa trong mỗi di sản. Vì vậy, cần có những sửa đổi hợp lý hơn nhằm tạo được sự thống nhất trong các văn bản pháp luật quốc gia và quốc tế nhất là khi Việt Nam đã là thành viên Công ước Heritage của UNESCO.

### ***1.1.2 Di sản tự nhiên***

Theo cách hiểu chung nhất đó là những cảnh vật tự nhiên hoặc khu vực tự nhiên có một giá trị đặc biệt về phương diện thẩm mỹ (vẻ đẹp thiên nhiên), khoa học hoặc có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo tồn các giống loài sinh vật. Khi nói đến yếu tố tự nhiên, điều đó có nghĩa là những địa điểm, khu vực đó hoàn toàn không có sự xây dựng, tác động, thay đổi của con người, hoặc nếu có thì những hoạt động xây dựng, tác động đó của con người chỉ nhằm mục đích bảo vệ và gìn giữ những giá trị tự nhiên của di sản đó chứ không nhằm thay đổi bản chất tự nhiên của chúng, làm chúng mang dấu ấn của con người. Định nghĩa của UNESCO về DSTN đã xác định một cách rõ ràng yếu tố tự nhiên của chúng, qua đó phân biệt được yếu tố văn hóa chứa đựng trong các DSVH. DSTN bao gồm:

\* Các di tích tự nhiên được tạo thành bởi những cấu trúc hình thể và sinh vật học hoặc bởi nhóm cấu trúc như vậy, có một giá trị đặc biệt về phương diện thẩm mỹ hoặc khoa học. Ví dụ: Thành phố tiền sử và vườn quốc gia Paleque – Mêhicô, Di chỉ động vật có vú hóa thạch – Ôxtrâylia, Vườn quốc gia núi lửa Hawai – Mỹ...

\* Các cấu trúc địa chất học và địa lý tự nhiên và các khu vực có ranh giới đã được xác định là nơi cư trú của các giống động vật và thực vật có nguy cơ bị tiêu diệt, có giá trị quốc tế đặc biệt về phương diện khoa học hoặc bảo tồn. Ví dụ: Sân chim Djoujd – Xênegan, Khu bảo tồn thú săn Selous – Tanzania, Vườn quốc gia hồ Malaui – Malaui...

\* Các cảnh vật tự nhiên hoặc khu vực tự nhiên có ranh giới đã được xác định cụ thể, có giá trị quốc tế đặc biệt về phương diện khoa học, bảo tồn hoặc vẻ đẹp thiên nhiên. Ví dụ: Thác nước Victoria – Dămbia, Núi Shirakami – Nhật Bản, Vịnh Hạ Long – Việt Nam...

### ***1.1.3 Di sản hỗn hợp***

Chúng ta biết rằng mọi sự vật, hiện tượng trên thế giới đều có mối quan hệ hữu cơ. Con người sống giữa môi trường tự nhiên và luôn tác động vào tự nhiên, cải biến tự nhiên để phục vụ cho cuộc sống của mình. Do đó, có những di sản được kết hợp giữa nét đặc trưng của tự nhiên và cảnh quan xây dựng bởi con người được gọi là các di sản hỗn hợp.

DSHH là những “công trình kết hợp giữa tạo hóa và công sức con người” bao gồm nhiều hình thức thể hiện sự tác động qua lại giữa con người và môi trường tự nhiên, phản ánh mối quan hệ giữa tinh thần và tự nhiên.

Các DSHH đều chứa đựng các giá trị văn hóa và tự nhiên nên mọi giá trị

thể hiện trong DSHH đều được xem xét, đánh giá một cách hợp lí, đúng mức trong mối quan hệ qua lại giữa chúng. Nhìn chung, sự tác động của con người vào tự nhiên luôn gắn kết những thuộc tính của tự nhiên nhằm phù hợp với nhu cầu và lợi ích của mình nên hầu hết các DSHH đều mang dấu ấn văn hóa và chủ ý của con người. Do đó, khi xem xét, đánh giá các thắng cảnh văn hóa để công nhận chúng là DSTG, UNESCO đã xếp chúng vào danh sách các DSVH và việc đánh giá phần lớn dựa trên các tiêu chí về giá trị lịch sử, văn hóa, xã hội.

Tuy nhiên, trên thực tế có những DSHH mà cả giá trị về văn hóa và tự nhiên của chúng đều có tầm quan trọng nổi bật như nhau. Trong trường hợp này, ý nghĩa đặc biệt của chúng được chứng minh bằng cả hai nhóm tiêu chuẩn. Ví dụ: Công viên quốc gia và các di chỉ đá của Cappadocia – Thổ Nhĩ Kỳ, Núi Thái sơn – Trung Quốc, Khu ao hồ Willandra – Ôxtrâyli... trở thành DSTG đều được đánh giá theo các tiêu chí thuộc hai nhóm tiêu chuẩn văn hóa và tự nhiên.

Việc phân loại và xác định các DSVH, DSTN và DSHH chỉ mang tính chất tương đối bởi vì một địa điểm hay khu vực tự nhiên sau khi được con người biết đến đều ít nhiều phải chịu sự tác động của con người nên khó giữ được tính nguyên trạng tuyệt đối. Tuy nhiên, việc phân loại như trên lại có một ý nghĩa quan trọng, bởi vì nó liên quan trực tiếp đến sự định hướng, triển khai công tác khảo sát, điều tra đúng với các đối tượng đang cần được xử lý, qua đó mà việc bảo vệ và phát huy giá trị của các di sản trên được tiến hành thuận lợi và hợp lý. Ví dụ như các DSHH thường phản ánh những kĩ thuật cụ thể, có thể áp dụng lâu dài trong việc sử dụng đất đai, có tính đến những đặc điểm và những giới hạn của tự nhiên nơi xây dựng thắng cảnh. Do đó, công tác bảo vệ các DSHH này có thể là một đóng góp hỗ trợ cho các kĩ thuật hiện đại trong việc sử dụng đất đai lâu dài qua đó góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị tự nhiên trong khu vực thắng cảnh.

## **1.2 Giá trị , vai trò của DSVH và DSTN trong sự phát triển của xã hội**

Trong suốt chiều dài lịch sử gắn liền với những điều kiện địa lý, tự nhiên, chính trị của mình, mỗi quốc gia, dân tộc đã không ngừng sáng tạo để tồn tại và phát triển. DSVH của mỗi dân tộc thể hiện nhiều khía cạnh khác nhau của đặc tính dân tộc ấy, đồng thời như một sợi dây liên kết tất cả những gì mà dân tộc ấy đã sáng tạo với những gì mà họ đang và sẽ tạo ra trong tương lai. Bên cạnh đó, môi trường thiên nhiên mà một dân tộc sinh sống cũng góp phần hình thành nên bản sắc văn hóa của dân tộc ấy. DSTN chính là phần bổ sung không thể tách rời của DSVH.

DSTG – tổng thể những DSVH & DSTN là một trong số những tài sản vô giá không thể thay thế được. “Tài sản đó không chỉ thuộc về mỗi dân tộc mà đó là tài sản chung của loài người. Sự mất mát bất kì những tài sản quý giá đó, dù bị giảm giá trị hay bị tiêu vong, là tạo nên sự nghèo nàn cho di sản chung của toàn nhân loại”. Các DSTG chứa đựng trong chúng một hệ thống những thang giá trị mà thông qua việc tìm hiểu, phân tích những giá trị ấy, chúng ta sẽ thấy được vai trò, tầm quan trọng của các DSVH & DSTN trong sự phát triển của xã hội.

### ***1.2.1 Giá trị của DSVH và DSTN trong xã hội ngày nay***

Mỗi DSVH hay DSTN đều mang một giá trị đặc biệt về mặt lịch sử, nghệ thuật - thẩm mỹ, tinh thần - tâm linh hoặc về phương diện khoa học. Chính những giá trị ấy đã tạo nên tính “vô giá”, “hiếm có” hoặc “duy nhất” của các di sản.

#### ***1.2.1.1 Giá trị lịch sử***

Mọi sự vật, hiện tượng trong tự nhiên cũng như trong xã hội luôn luôn phát triển, vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn. Và quá trình phát triển ấy sẽ được ghi nhận hoặc phản ánh bằng những dấu tích nhất định qua từng giai đoạn phát triển lịch sử. Các DSVH và DSTN cũng có khả năng ghi nhận và phản ánh chính xác lịch sử phát triển của tự nhiên và xã hội. Các DSTN có thể phản ánh được những giai đoạn quan trọng của lịch sử phát triển trái đất. Qua đó, chúng ta có thể đọc được quá trình hoạt động địa chất dẫn đến sự hình thành các tầng địa chất; hoặc có thể thấy được sự tiến hóa và phát triển của các hệ sinh thái và các cộng đồng động - thực vật. Ví dụ: địa hình Karst đá vôi Hạ Long - Việt Nam với những dấu tích phong phú, sinh động là cuốn “biên niên sử” trung thực về sự biến đổi của khí hậu, địa hình, địa mạo, địa chất Hạ Long qua các thời kì, góp phần làm sáng tỏ lịch sử địa chất hàng triệu năm về trước.

Các DSVH lại có khả năng ghi nhận chính xác lịch sử phát triển của xã hội loài người. Những di sản ấy là điểm nối quá khứ và hiện tại, chúng đưa con người trở về với lịch sử, hoặc thậm chí thời kỳ tiền sử. Chẳng hạn như những dấu vết của các thành phố Memphis ở Ai Cập, Delphin ở Hy Lạp, Hattat ở Irắc... đều là những minh chứng đồ sộ của nền văn minh ngày nay không còn nữa. Các DSVH là những bằng chứng có thể nhìn thấy bằng mắt về sự trường tồn của quá khứ trong xã hội ngày nay. Chúng phản ánh những thành tựu của con người, đồng thời minh họa cho những thời kì lịch sử trong đó có cả ý nghĩa quyền lực

chính trị. Đặc biệt, các công trình kiến trúc thường gắn liền với cái nhìn của giai cấp thống trị và được biểu hiện ra như là thứ vũ khí tinh thần của giai cấp đó, là phương tiện để tuyên truyền cho sức mạnh và quyền lợi giai cấp. Ví dụ: Vạn lý trường thành ở Trung Quốc, hay các thành lũy của Vua Edward I ở Guynedd xứ Wales ở Anh đều nhằm mục đích biểu thị sức mạnh quyền lực của giai cấp thống trị.

### ***1.2.1.2 Giá trị nghệ thuật – thẩm mỹ***

Tuy quan niệm của con người về giá trị thẩm mỹ qua mỗi thời kỳ đều có những thay đổi nhất định nhưng giá trị nghệ thuật – thẩm mỹ chứa đựng trong các DSVH và DSTN là những giá trị tiêu biểu, đạt đến sự chuẩn mực nên chúng tương đối ổn định và được thừa nhận rộng rãi.

Giá trị thẩm mỹ ở các DSTN thể hiện ở vẻ đẹp tổng thể của cảnh quan thiên nhiên. Mỗi DSTN là một “tác phẩm nghệ thuật tạo hình” độc đáo của tạo hóa, kết hợp giữa sự hoành tráng, hùng vĩ của sông, hồ, núi, hang động, thác... với vẻ đẹp của những hệ sinh thái đa dạng, phong phú.

Nếu như giá trị thẩm mỹ của các DSTN được tạo thành do sự vận động của tự nhiên, không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người thì giá trị thẩm mỹ trong các DSVH lại thể hiện quan điểm về văn hóa, thẩm mỹ của con người. Mỗi một DSVH, đặc biệt là các di sản kiến trúc, điêu khắc, hội họa ... có khả năng phản ánh cuộc sống theo cách riêng của mình tức là tạo ra hình tượng nghệ thuật bằng một thứ ngôn ngữ độc đáo. Do đó, các DSVH là sản phẩm của một quan niệm thẩm mỹ cao cấp, nằm trong hoạt động nghệ thuật của con người. Ví dụ, Nhà thờ và tu viện dòng Đôminicanh Santa Maria delle Grazie cùng với bức tranh Bữa tiệc cuối cùng của Leonardo de Vinci được vẽ trên trần là một sự kết hợp tuyệt vời giữa kiến trúc và hội họa; kỹ thuật thiết kế, xây dựng, trang trí đã đạt tới một sự hoàn thiện phản ánh một cách xuất sắc tư tưởng nghệ thuật kiến trúc, hội họa, điêu khắc thời kì Phục hưng.

### ***1.2.1.3 Giá trị tinh thần – tâm linh***

Con người và tự nhiên có mối quan hệ biện chứng với nhau, con người không thể tồn tại nếu tách rời thiên nhiên. Vì vậy, trong các hoạt động để tồn tại của mình, con người luôn gắn các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên với yếu tố tinh thần – tâm linh của mình. Nhiều di chỉ trong số các DSTN của thế giới mang một vẻ hùng vĩ của tự nhiên khiến cho con người ở nhiều thời đại đều coi đó là những nơi linh thiêng: Ngọn núi Ayers Rock ở Oxtâyria hay núi

Machupiechu ở Pêru đều được người bản xứ xem như những nơi thiêng liêng, hay như ở Trung Quốc không chỉ có Khổng Tử mà hầu hết những bậc vua chúa đều đã đặt chân lên Thái Sơn xem như đã đến được với chốn thiêng liêng, huyền bí nhất..

Bên cạnh đó, trong quá trình tồn tại và phát triển, con người đã tạo ra rất nhiều sản phẩm. Trong đó không có sản phẩm tinh thần nào không thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định và cũng không có một sản phẩm vật chất nào lại không mang trong nó những giá trị tinh thần. Các DSVH cũng vậy, dù được thể hiện dưới bất kỳ hình thức nào đi nữa chúng cũng phản ánh cả thế giới quan và nhân sinh quan của con người. DSVH với tư cách là sản phẩm của hoạt động xây dựng vật chất của con người nên chứa đựng yếu tố tinh thần của những người tạo nên chúng. Điều đó thể hiện ở chỗ môi trường kiến trúc là điều kiện để thực hiện các quá trình sinh hoạt tinh thần. Con người khi xây nhà cửa và các công trình kiến trúc để sinh hoạt thì đồng thời phản ánh trong đó thái độ, mục đích và ý tưởng về cuộc sống diễn ra ở đó. Ở khía cạnh này, các công trình kiến trúc tôn giáo là những di sản thể hiện rõ nhất tín ngưỡng, tâm linh của con người.

Ngoài ra, giá trị của một số di tích kiến trúc nhiều khi cũng gắn liền với ý nghĩa tượng trưng cho tình cảm của con người. Ví dụ như tượng Nữ thần tự do ở NewYork là biểu tượng cho niềm hi vọng của hàng triệu người nhập cư đổ về một thế giới mới. Ngược lại, trại tập trung Auschwitz ở Ba Lan lại nhắc nhở rằng loài người có thể tự đẩy mình đến chỗ diệt vong.

#### ***1.2.1.4 Giá trị khoa học***

Một trong những giá trị làm cho các DSVH & DSTN có một vị trí đặc biệt quan trọng trong môi trường sống của con người đó là các giá trị về phương diện khoa học.

Các DSTN cùng với những đặc điểm tự nhiên về hình thái vật chất và sinh vật hoặc nhóm các hình thái đó có giá trị quan trọng về mặt khoa học tự nhiên như địa chất, địa mạo, sinh vật học... và có ý nghĩa đặc biệt đối với việc bảo tồn các loài động - thực vật, nguồn vốn không gì thay thế được và không thể thiếu được trong việc giữ gìn môi trường sống của chúng ta. Ví dụ các khu bảo tồn sinh quyển là nơi lưu giữ và bảo vệ sự đa dạng sinh học, cung cấp cho con người những thông tin cho công việc nghiên cứu các hệ sinh thái nhằm góp phần dung hòa lợi ích của con người với việc giữ gìn môi trường tự nhiên.

Các DSVH, những sản phẩm vật chất do con người tạo ra lại có ý nghĩa quan trọng xét trên góc độ các khoa học xã hội như lịch sử học, thẩm mỹ học,

dân tộc học... Bên cạnh đó, các DSVH nhất là các di sản kiến trúc đôi khi còn có những tác động quan trọng đến hướng phát triển kiến trúc, quy hoạch đô thị. Ví dụ như quần cư Timgad ở Angiêri là một thành phố mà cơ cấu phản ánh các giá trị của nền văn minh La Mã với bản đồ quy hoạch đều đặn, cân đối đến nay vẫn còn được dẫn ra làm ví dụ trong những sách giáo khoa về kiến trúc và qui hoạch đô thị.

Tóm lại, với một hệ thống những giá trị đặc biệt về mặt lịch sử, nghệ thuật – thẩm mỹ, tinh thần – tâm linh và về phương diện khoa học như chúng tôi đã trình bày, các DSVH & DSTN trên thế giới có một vị trí đặc biệt quan trọng trong môi trường sống của con người. Sự tồn tại của các di sản đó góp phần gìn giữ không gian và kéo dài thời gian tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

### ***1.2.2 Vai trò của DSVH & DSTN đối với sự phát triển của xã hội ngày nay***

Các DSVH & DSTN là một trong những nhân tố tạo thành môi trường tác động trực tiếp hay gián tiếp lên các hoạt động tồn tại của con người. Thế nhưng trong một thời gian dài, nhiều người đã có quan niệm sai lệch, xem nhẹ những DSVH & DSTN từ quần thể đến riêng lẻ. Họ xem những di sản này như những “vườn cảnh” hay những “món đồ cổ” đơn thuần qua trau chuốt được lồng trong tủ kính để gợi nhớ về một giai đoạn lịch sử đã qua.

Ngày nay, thái độ ứng xử đối với các DSVH & DSTN nói lên trình độ nhận thức của mỗi quốc gia, dân tộc. Để có thái độ ứng xử đúng đắn, hợp lí, một phần tùy thuộc vào việc đánh giá đúng vai trò của các di sản đối với các lĩnh vực khác nhau trong sự phát triển của xã hội con người.

#### ***1.2.2.1 Về phương diện chính trị – xã hội***

Các DSVH của mỗi dân tộc thể hiện đầy đủ và chính xác những đặc tính của dân tộc ấy. DSVH dân tộc không chỉ là nhân chứng của quá khứ mà còn là sự gắn kết cả hiện tại và tương lai của mỗi cộng đồng xã hội.

Trong xã hội hiện đại, DSVH được quan niệm không phải như những biểu tượng hoài niệm quá khứ mà như là sự gắn kết một cộng đồng tạo nên nội lực của cộng đồng ấy trong cuộc đấu tranh vì sự tồn tại và phát triển của mình. Trước xu thế toàn cầu hóa ngày càng rộng rãi như hiện nay, có thể thấy một cuộc đấu tranh mới rất mạnh mẽ đang diễn ra trong lĩnh vực văn hóa. Đó vừa là thời cơ quý báu vừa là thử thách quyết liệt cho mỗi quốc gia. Nếu các quốc gia đang phát triển trong quá trình mở cửa hội nhập muốn khước từ sự “đồng phục”

về văn hóa, không muốn bị đồng hóa về văn hóa thì việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc mà trong đó bao gồm cả việc bảo vệ, giữ gìn các giá trị của DSVH trở thành một vấn đề có ý nghĩa sống còn, góp phần tạo nên sự ổn định về chính trị – xã hội cho mỗi quốc gia trong công cuộc phát triển của mình.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội”. Từ nhận định đó, chúng ta thấy rằng các DSVH cũng là một bộ phận hợp thành nền tảng tinh thần của xã hội, đó là vốn quý của mỗi dân tộc, làm chỗ dựa cho sự ổn định về chính trị và định hướng cho sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.

Chính vì vậy, Luật Di sản văn hóa của nước ta một lần nữa đã khẳng định vai trò quan trọng của DSVH trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh: “Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta”.

### ***1.2.2.2 Về phương diện kinh tế***

DSVH & DSTN chứa đựng một tiềm năng kinh tế to lớn nếu con người biết khai thác và phát triển chúng một cách hợp lý. Một số DSTN cùng với hệ sinh thái – động thực vật đa dạng, phong phú đã đem lại cho con người một nguồn lợi kinh tế to lớn. Ví dụ, nguồn tài nguyên sinh vật biển phong phú ở Vịnh Hạ Long đã mang lại cho Hạ Long – Quảng Ninh những đặc sản nổi tiếng như cá, bào ngư, hải sâm, san hô, ngọc trai...

Bên cạnh đó, có thể nói DSVH & DSTN chính là nguồn tài nguyên nội lực của ngành kinh tế du lịch. Hoạt động du lịch chỉ phát triển mạnh khi mỗi quốc gia nói riêng và toàn thế giới nói chung có được một kho tàng các DSVH & DSTN đã được tích lũy và bảo tồn. Ngoài ra, thông qua hoạt động du lịch, các di sản này góp phần thu hút một số lượng lớn nguồn vốn đầu tư nước ngoài cho các dự án phát triển du lịch cũng như các nguồn tài trợ quốc tế vào việc tôn tạo, bảo tồn các di sản đó. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài không chỉ tạo điều kiện cho ngành kinh tế du lịch phát triển mà còn tác động đến sự tăng trưởng của các ngành kinh tế khác và từ đó thúc đẩy nền kinh tế đất nước phát triển. Mặt khác, ngành công nghiệp du lịch cũng sẽ góp phần tạo ra nhiều việc làm trực tiếp và gián tiếp trên cơ sở “nguồn vốn” là các tài sản văn hóa và tự nhiên của đất nước.

Ý nghĩa kinh tế của các DSVH & DSTN còn được nhìn nhận thông qua hoạt động bảo vệ môi trường. Sự phát triển bền vững đòi hỏi phải kết hợp giữa

phát triển kinh tế với việc duy trì môi trường sống. Nếu làm mất đi sự cân bằng sinh thái tự nhiên, chẳng những các DSVH & DSTN bị hủy hoại mà sự sống của con người cũng bị đe dọa, thì kinh tế có tăng trưởng cũng không còn ý nghĩa đích thực của nó là nhằm phục vụ cho con người.

### ***1.2.2.3 Về phương diện giáo dục con người***

Nhìn chung, các DSVH & DSTN có những giá trị to lớn ảnh hưởng đến đời sống xã hội như các giá trị lịch sử, thẩm mỹ, nghệ thuật, khoa học... Tất cả những giá trị ấy đều góp phần vào việc bồi dưỡng và vun đắp nhân cách cho cá nhân và cho cộng đồng ngày một hoàn thiện hơn, xây dựng con người “phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lối sống văn hóa...”

Các DSVH được sáng tạo, tích lũy và sàng lọc qua hàng ngàn năm của mỗi cộng đồng dân tộc, chịu sự chi phối của các điều kiện địa lý, kinh tế, chính trị, xã hội, các điều kiện nhân chủng và sinh thái tự nhiên khác nhau. Vì vậy, giá trị văn hóa của các di sản này có tính ổn định, bền vững và có sức mạnh rất lớn đối với việc hình thành ý thức tự chủ, tự cường của cá nhân và cộng đồng trong suốt tiến trình lịch sử, tạo nên sự tiếp nối truyền thống lịch sử văn hóa qua các thế hệ. Bên cạnh chức năng giáo dục truyền thống lịch sử, các DSVH & DSTN có vai trò giáo dục thẩm mỹ cho xã hội. Điều này thể hiện ở chỗ chúng hướng mọi người đến việc cảm thụ vẻ đẹp của các kỳ quan thiên nhiên cũng như những giá trị thẩm mỹ do chính bàn tay con người tạo nên. Từ đó, năng lực sáng tạo của con người được bồi dưỡng, vun đắp để có thể tạo ra những sản phẩm vật chất và tinh thần mới phục vụ cho xã hội.

Ngoài ra, các DSVH & DSTN còn có vai trò quan trọng làm thức tỉnh ý thức bảo vệ môi trường sống của con người. Những nỗ lực của con người trong việc gìn giữ, bảo vệ và phát triển các di sản vô giá đó cũng chính là góp phần bảo vệ môi trường sống trên trái đất.

### ***1.2.2.4 Về phương diện giao lưu quốc tế***

Hiện nay, sự phát triển của khoa học công nghệ và nền kinh tế tri thức đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Do vậy, hội nhập để phát triển, giao lưu để học hỏi trở thành qui luật tất yếu của thời đại.

Các DSVH & DSTN cũng góp phần vào “sự giao lưu văn hóa, hình thành tinh thần hữu nghị và ý thức bảo vệ hoà bình, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia và toàn thế giới”. Với tư cách là những tài sản tiêu

biểu thể hiện bản sắc của mỗi quốc gia, các DSVH & DSTN như một bức thông điệp tạo ra sự hiểu biết lẫn nhau và thúc đẩy các quan hệ trên mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục... giữa các quốc gia với nhau. Mặt khác, các di sản này cũng là chỗ dựa vững chắc để các dân tộc giao lưu, với nhau mà vẫn giữ được bản sắc văn hóa của dân tộc mình trước sự ảnh hưởng của văn hóa ngoại lai.

### **1.3 Những nguyên nhân làm biến đổi và hủy hoại các DSVH & DSTN**

Các DSVH & DSTN có những giá trị và vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống con người. Thế nhưng các di sản đó, dù là những công trình xây dựng, những quần thể kiến trúc, những cảnh quan hay những khu bảo tồn thiên nhiên đều luôn phải đứng trước nhiều nguy cơ làm biến đổi và hủy hoại, trong đó hai nhóm nguyên nhân chủ yếu là nhóm nguyên nhân do tự nhiên và nhóm nguyên nhân do con người.

#### ***1.3.1 Các nguyên nhân do tự nhiên***

Mỗi DSVH hay DSTN đều có một chu kì phát triển riêng, cho dù chúng được hình thành trong tự nhiên hay được tạo dựng bởi con người, đều phải trải qua nhiều biến đổi cùng với thời gian. Trong quá trình tồn tại, các di sản luôn phải chịu sự tác động của những yếu tố tự nhiên như khí hậu, địa chất, thủy văn, những tác động của động – thực vật, các tai họa như bão lũ, động đất, hỏa hoạn... Các yếu tố này sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hoặc toàn bộ, thường xuyên hoặc đôi khi... đến các di tích, cảnh quan thiên nhiên làm thay đổi giá trị và tính chất của di sản đó.

##### ***1.3.1.1 Yếu tố khí hậu, địa chất, thủy văn***

Gió và ánh nắng mặt trời là những yếu tố tác động một cách thường xuyên đến các di sản, đặc biệt là các công trình kiến trúc. Tuy chúng gây nên những biến đổi một cách chậm chạp và khó nhận thấy nhưng về lâu dài chúng có thể làm cho các di tích kiến trúc bị “lão hóa” cùng với những vật liệu xây dựng nên chúng (những bộ phận bằng gỗ hoặc kim loại bị cong vênh, màu sắc của gỗ, nước sơn bị phai dần, chữ khắc trên bia đá mờ đi...). Trong nhiều trường hợp, sức gió mạnh (lốc xoáy, bão) có thể làm cho các di tích bị hư hại, sụp đổ.

Có thể thấy hiện nay, Vạn lý trường thành – Trung Quốc đoạn đi qua sa mạc Gôbi đã bị sụp đổ từng mảng lớn vì sự xâm hại của gió và cát nóng.

Ngoài ra, ở những khu vực không khí bị ô nhiễm, bụi bặm và các khí độc hại sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các di sản. Chẳng hạn như khói xả và bụi than thải ra từ một nhà máy nhôm gần thành phố cổ Krakow – Ba Lan đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khu phố lịch sử này. Để giảm bớt nguồn ô nhiễm ở đây, nhà cầm quyền Ba Lan đã đóng cửa nhà máy nhôm và dùng khí đốt thay than.

Bên cạnh đó, tính chất của khu đất và cấu tạo của tầng đất nơi công trình được xây dựng cũng vô cùng quan trọng đối với sự bền vững của công trình, đặc biệt là những yếu tố như đặc điểm thủy văn, cấu trúc, sự phân bố và độ nghiêng của những lớp đá tảng, tính chất lớp đất phủ... Nước mưa và mạch nước ngầm gây nhiều bất lợi cho nền móng của công trình kiến trúc, nước mặn sẽ ăn mòn cấu trúc kim loại của những công trình ở gần biển... Tất cả những yếu tố này sẽ tác động không những tới độ bền vững mà còn trực tiếp đến cả các di sản và tính chất nguyên vẹn của chúng nữa.

#### ***1.3.1.2 Tác động của động vật và thực vật***

Một số loại côn trùng và động vật có thể gây ra những tác hại không nhỏ đối với các công trình kiến trúc và cảnh quan thiên nhiên. Mối mọt thường làm hỏng các bộ phận chịu lực, gây mục nát thậm chí sụp đổ các công trình xây dựng. Theo khảo sát của Trung tâm nghiên cứu phòng trừ mối – Viện khoa học Thủy lợi Việt Nam thì hiện nay 100% công trình xây dựng bằng gỗ ở Cố đô Huế đều đã có dấu vết xâm thực của mối, ở một số công trình, mối phá hoại phần cấu kiện chịu lực như mái, móng nhà làm cho những công trình này khó có thể phục hồi nguyên trạng được.

Ngoài ra, các động vật (trâu, bò, ngựa...) thả rong cũng gây nhiều tác hại, ảnh hưởng đến cảnh quan văn hóa của các di sản. Ví dụ, ở khu Thánh địa Mỹ Sơn, Ban quản lý khu di tích này cho biết hiện nay trong khu vực khoanh cấm ở đây có đến hơn 200 con trâu, bò của người dân đại phương thả rong. Chúng không chỉ xâm hại khu di tích bằng phân thải, bùn đất mà còn cà thân vào các bờ thành tháp ảnh hưởng đến độ bền của vật liệu và độ kết dính của chúng.

Cây cối, thực vật sống kí sinh, rêu mốc cũng sẽ phá hoại kết cấu vật liệu của di tích làm cho tuổi thọ của các di tích bị giảm đi.

#### ***1.3.1.3 Các hiểm họa khác***

Các tai họa như bão, lũ, động đất... là những yếu tố làm hủy hoại các DSVH & DSTN lớn nhất. Cụ thể như:

Lũ lụt làm xói mòn, sạt lở, thậm chí làm sụp đổ và cuốn trôi các công trình kiến trúc. Cố đô Huế và Phố cổ Hội An là hai di sản ở miền Trung hàng năm thường phải gánh chịu những thiệt hại do lũ lụt. Nhiều bộ bàn ghế cổ, công trình gỗ có tuổi hàng trăm năm bị ngâm lâu trong nước nên xuống cấp nghiêm trọng, bùn đất, rác lá sau cơn lũ đã làm cho diện mạo các di sản này giảm sút đi những giá trị đặc biệt vốn có.

Nhiều di sản trên thế giới nằm ở những vùng địa chấn do đó hiện tượng động đất đã gây nhiều thiệt hại lớn, đôi khi gây hư hại hoàn toàn cho các di sản này. Một trận động đất lớn vào năm 224 trước Công nguyên đã làm sụp đổ hoàn toàn bức tượng khổng lồ ở Rhodes – một trong bảy kỳ quan vĩ đại của thế giới cổ đại. Hay những trận động đất năm 1980 ở Angra – Bồ Đào Nha, năm 1981 ở Delphi – Hi Lạp đã gây chấn động lớn cho các di sản văn hóa ở khu vực này.

Ngoài ra, những trận hỏa hoạn lớn có thể thiêu trụi hoàn toàn hoặc một phần các công trình xây dựng dẫn đến cấu trúc bị thay đổi, xiêu vẹo hoặc những trận cháy rừng gây thiệt hại lớn cho các khu bảo tồn tự nhiên... Có thể thấy, những trận hỏa hoạn đã phá hủy hoàn toàn ngôi đền Artemis (Ai Cập) và Tượng thần Zeus (Hi Lạp) – những kỳ quan nổi tiếng của thế giới cổ đại.

### ***1.3.2 Các nguyên nhân do con người***

Sự tồn tại của con người được duy trì bởi những mối quan hệ: quan hệ với tự nhiên và quan hệ với xã hội. Trong quan hệ với tự nhiên, con người chủ động tác động vào tự nhiên để cải tạo thế giới nhằm phục vụ cho lợi ích của mình. Thế nhưng đôi khi sự tác động ấy không còn ở mục đích cải tạo tự nhiên mà trở thành sự tàn phá, làm hủy hoại môi trường tự nhiên. Trong mối quan hệ với xã hội, con người là chủ thể sáng tạo ra những sản phẩm vật chất nhằm phục vụ cho cuộc sống của mình nhưng nhiều lúc cũng chính bàn tay con người xóa bỏ đi những gì đã được tạo dựng. Có thể nói, con người là nhân tố trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra những tác động làm biến đổi và hủy hoại các di sản văn hóa và tự nhiên trong kho tàng di sản chung của nhân loại.

Trước hết, có thể thấy trong lịch sử phát triển của mỗi dân tộc, các cuộc xâm lược và thay đổi triều đại đã tàn phá rất nhiều các di tích văn hóa – lịch sử, “khi các triều đại phong kiến thay nhau lên nắm quyền họ thường tìm cách chối bỏ thành quả của triều đại trước bằng cách triệt phá các cung điện, thành quách để xây dựng nên cái mới nhằm tô vẽ cho triều đại mình”. Trong lịch sử, những cuộc viễn chinh của quân đội nhiều nước phong kiến Châu Âu tấn công vùng

Đông Địa Trung Hải cuối thế kỉ XIII là một trong số nhiều ví dụ. Trong những cuộc tấn công của mình, quân Thập Tự đã đốt phá, cướp bóc, phá hủy nhiều công trình kiến trúc, biểu tượng của một nền nghệ thuật tuyệt vời như cung điện, giáo đường, tượng thánh... Những khối đá cẩm thạch của phần nền ngôi mộ khổng lồ tại Halicanasu, một trong bảy kỳ quan của thế giới cổ đại đã bị họ cắt thành từng mảnh nhỏ để xây dựng lâu đài cho mình.

Hơn thế nữa, những cuộc chiến tranh khốc liệt trong lịch sử thế giới hiện đại với nhiều loại vũ khí tối tân cũng đã phá hủy không thương tiếc các DSVH quý giá. Năm 1998, chính quyền Taliban đã bắn phá toàn bộ các DSVH không thuộc đạo Hồi trong đó có hai bức tượng Phật khổng lồ ở Bamiyan. Hành động cực đoan này của quân Taliban bất chấp dư luận quốc tế đã gây ra những tổn hại to lớn về văn hóa không riêng gì với Afghanistan mà đối với cả thế giới nói chung.

Xét về khía cạnh nào đó, sức tàn phá của các yếu tố tự nhiên vẫn không so sánh được với tốc độ hủy hoại của con người đối với các DSVH & DSTN quý giá cần được bảo vệ. Con người đã khai thác từ các DSVH & DSTN những thuộc tính có giá trị của chúng thế nhưng có những hành vi khai thác của con người không đi đôi với việc gìn giữ, bảo vệ các di sản, thậm chí họ còn khai thác vì những lợi ích trước mắt mà bỏ mặc cho các di sản bị xuống cấp hoặc bị tàn phá nghiêm trọng. Sự phát triển của nền công nghiệp đã kéo theo việc xây dựng hàng loạt các xí nghiệp, nhà máy gần các khu bảo tồn thiên nhiên, các công viên quốc gia, nơi lưu trữ nhiều loài động – thực vật quý hiếm. Các chất ô nhiễm từ các cơ sở công nghiệp lân cận (bụi than, khí đốt, các chất độc hóa học...) đã làm thay đổi tính chất của đất đai và cả bầu không khí xung quanh các khu di sản đó. Những trận mưa axit đã tiêu diệt những khu rừng rộng lớn trong đó có những loại cây đã sống sót qua được nhiều thời kỳ đóng băng lớn. Hay như việc xây dựng những đập nước lớn trên sông Senegal thuộc Công viên quốc gia Djoudji – Senegal để thỏa mãn nhu cầu về điện năng và thủy lợi của cư dân trong vùng đã đe dọa nghiêm trọng đến sự cân bằng sinh thái của khu bảo tồn các loài chim quý này.

Bên cạnh đó, do chạy theo lợi ích của đồng tiền, nhiều người đã săn bắn và đốn chặt nhiều loại động – thực vật quý hiếm ở các khu bảo tồn thiên nhiên khiến chúng có nguy cơ bị tuyệt chủng. Ở Công viên quốc gia Garamba thuộc miền Bắc Daia, nạn săn bắn tê giác trắng xảy ra rầm rộ, nhiều nhóm thợ săn được trang bị bằng súng lớn và súng tự động khiến chỉ trong một thời gian ngắn số lượng tê giác ở đây chỉ còn vài chục con. Hay như ở khu rừng được Sundaban nằm ở cửa sông Gange – Ấn Độ, tình trạng khai thác gỗ xây dựng và thu lượm củi gỗ đã làm cho rừng tự nhiên ngày càng bị thu hẹp.

Đôi khi con người tàn phá các di sản do thiếu ý thức và kém hiểu biết về giá trị đặc biệt của các di sản. Đoạn Trường thành (Vạn lý trường thành – Trung Quốc) chạy qua ngôi làng Bianqianghao giữa vùng Mông Cổ đã bị những người dân ở đây “khai thác” đến nỗi có nguy cơ phá trụi cả đoạn Trường thành này. Họ đào những vách tường được làm bằng bùn khô để nhào đất sét làm nhà, đào hang trong chân tường để làm vựa chứa ngũ cốc, hoặc chuồng nuôi gia súc. Thậm chí, người dân còn canh tác nơi đây để trồng đỗ và cà...

Ngay trong việc khai thác các DSVH & DSTN để phục vụ cho du lịch nhằm tạo nguồn thu để tái đầu tư cho việc tu bổ di tích và danh thắng cũng bộc lộ một số tiêu cực. Đối với các DSVH & DSTN được công nhận là DSTG, sự gia tăng nhanh số lượng khách tham quan đã trở thành mối nguy cơ đe dọa việc bảo vệ các di sản này. Thực tế, sự có mặt của quá đông du khách tại một thời điểm ở một số di tích đã tạo nên những tác động cơ học, hóa học cùng với những yếu tố khác đã gây nên sự hủy hoại đối với các di sản. Đồng thời việc phát triển các dịch vụ du lịch thiếu sự kiểm soát và sự bùng nổ số lượng du khách còn tác động đến cảnh quan văn hóa và môi trường sinh thái của các khu di sản. Tại nhiều địa điểm du lịch, du khách đã viết vẽ, khắc tên lên các vách đá, vách tường, các bộ phận của di tích một cách bừa bãi. Ngoài ra, một trong những tác động tiêu cực khác của sự phát triển du lịch là sự thất thoát, buôn bán trái phép và xuất lậu đồ cổ, thu gom các hiện vật quý hiếm để móc nối, buôn bán với du khách nước ngoài.

Không chỉ có hoạt động “khai thác” các di sản của con người mới làm biến đổi, hủy hoại chúng mà ngay trong hoạt động tôn tạo, trùng tu các di sản nhiều khi cũng đã làm cho chúng biến đổi về tính chất, kết cấu hoặc bị giảm sút đi giá trị đặc biệt ban đầu. Điều đó biểu hiện trong việc thiếu kinh nghiệm và chưa đủ trình độ dẫn đến tùy tiện sửa chữa và thay đổi chức năng thực tế của công trình, trong việc trùng tu các di tích một cách thiếu khoa học nhằm cải biến chúng cho phù hợp với trào lưu kiến trúc mới. Vì thế đôi khi các mảng tường bị quét trùm lên bằng những màu sắc khác nhau, thậm chí còn đắp thêm lên di tích những họa tiết trang trí không phù hợp.

Tóm lại, các DSVH & DSTN chứa đựng giá trị vô cùng to lớn, là chiếc cầu nối giữa quá khứ, hiện tại và cả tương lai của nhân loại. Thế nhưng do nhiều nguyên nhân tác động của tự nhiên và con người như chúng tôi đã phân tích ở trên, các di sản trong kho tàng di sản thế giới luôn phải đối mặt với những nguy cơ bị hủy hoại và biến mất. Sự tồn tại của các di sản phụ thuộc vào chính hành động của con người. “Chúng ta phải hành động thống nhất ngay bây giờ để gìn giữ di sản của chúng ta, bảo vệ di sản thế giới và tôn trọng sự phát triển bền vững, sự đảm duy nhất của viễn cảnh toàn cầu của con người”. Thông điệp

này không chỉ của riêng quốc gia nào mà là của cả thế giới trong việc bảo vệ, giữ gìn và tôn vinh giá trị các DSVH & DSTN của nhân loại.

## **1.4 Sự điều chỉnh của Công ước bảo vệ Di sản thế giới đối với các DSVH & DSTN**

### ***1.4.1 Sự ra đời và ý nghĩa của Công ước bảo vệ Di sản thế giới***

Con người từ rất lâu đã thừa nhận những giá trị to lớn của các công trình nghệ thuật kiến trúc cũng như các thắng cảnh tự nhiên đối với xã hội. Do đó, việc bảo tồn các DSVH & DSTN đã được đặt ra từ rất sớm, thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu nhưng tất cả chỉ mới dừng lại ở việc sưu tầm, ghi chép, mô tả và giới thiệu các tư liệu về các công trình nhân tạo và thiên tạo nổi bật nhất, hơn nữa công việc đó cũng chỉ diễn ra trong phạm vi của một hoặc một số quốc gia mà thôi.

Từ trước Công nguyên, con người đã thừa nhận bảy kỳ quan vĩ đại của thế giới cổ đại, đó là những công trình nghệ thuật kiến trúc hoàn chỉnh nhất, phối hợp hài hòa giữa nghệ thuật điêu khắc và kiến trúc gồm Kim tự tháp Ai Cập, Vườn treo Babilon, Tượng thần Zeus ở Olympia, Đền thờ Artemis ở Euphesus – Hy Lạp, Lăng mộ của vua Halicarnasus ở Tiểu Á, Tượng thần khổng lồ ở đảo Rhodes và Ngọn hải đăng ở Alexandria. Tuy nhiên những kỳ quan của thế giới cổ đại, dấu sao cũng chỉ gói gọn trong khu vực văn hóa trải từ Ai Cập qua Lưỡng Hà, Trung Cận Đông đến Tiểu Á mà thôi. Trải qua những thăng trầm của lịch sử, các kỳ quan vĩ đại này của nhân loại hầu như bị phá hủy một phần hoặc toàn bộ, không còn tồn tại như nguyên thủy mà chúng ta được biết qua các văn tự cổ (ngoại trừ Kim tự tháp Kheops ở Ai Cập).

Qua mỗi thời đại, quan niệm về kỳ quan thế giới của con người cũng có sự thay đổi. Vì vậy, đến thế kỷ thứ VIII sau Công nguyên, người ta đã bình chọn các kỳ quan mới thay cho bảy kỳ quan cổ đại từ trước, trong đó có những kỳ quan mới như Đấu trường Colosserum ở Roma, Nhà mồ thành phố Alexandria ở Ai Cập, Vạn lý trường thành ở Trung Quốc, Tháp nghiêng Pisa ở Ý... Trong quan niệm hiện đại về kỳ quan thế giới, con người có khuynh hướng chuyển sang lĩnh vực tự nhiên. Vì thế, người ta nhắc đến Núi lửa Hawan, Sông băng Tây Tạng – Trung Quốc, Sa mạc cát đỏ Sahara và Biển Chết ở Gioocdani. Như vậy, quan niệm về kỳ quan thế giới mỗi người hiểu theo một cách, mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ đều có những xu hướng khác nhau và chưa được thống nhất.

Thế kỷ 20 đã bắt đầu và tiếp diễn với những cuộc đại chiến lần thứ I, II kéo theo hàng loạt quốc gia lớn nhỏ tham gia, biến thế giới thành một chiến

trường lớn mà trong đó các DSVH & DSTN luôn bị đe dọa nghiêm trọng bởi sự tàn phá và hủy hoại của bom đạn, chất độc hóa học và do chính con người. Vì thế, hàng loạt các Công ước Quốc tế đã qui định những điều khoản để bảo vệ các công trình văn hóa, nghệ thuật, lịch sử cũng như bảo vệ môi trường tự nhiên:

\* Công ước Lahaye năm 1907 đã liệt kê những mục tiêu bị cấm tấn công, trong đó Điều 27 qui định: tránh “càng xa càng tốt” các công trình, địa điểm tôn giáo, nghệ thuật, khoa học, công trình lịch sử.

\* Công ước Giơnevơ năm 1949 và các Nghị định thư (NĐT) bổ sung cũng đã qui định: “Cấm tấn công trả thù đối với môi trường thiên nhiên” (Điều 55 Khoản 2), “cấm tấn công vào những nơi thờ cúng, những di tích lịch sử, tài sản văn hóa hoặc tinh thần của dân tộc” (Điều 85 Khoản 4 Điểm đ NĐT<sub>I</sub> và Điều 16 NĐT<sub>II</sub>).

\* Công ước Lahaye năm 1954 về bảo vệ tài sản văn hóa trong trường hợp xung đột vũ trang và NĐT bổ sung của nó là văn kiện có tầm quan trọng lớn lao trong việc bảo hộ quốc tế đối với các DSVH của cả nhân loại chống lại tác động của các cuộc xung đột vũ trang trong đó có qui định: “Cấm sử dụng các di tích và công trình văn hóa làm vật che chắn cho lực lượng vũ trang” đồng thời “cấm trộm cắp hoặc chiếm đoạt các di tích văn hóa dưới bất kỳ hình thức nào”.

\* Ngoài ra, năm 1970 các quốc gia cũng đã kí kết Công ước về các biện pháp ngăn chặn việc xuất nhập khẩu và chuyển quyền sở hữu đối với các di tích văn hóa.

Tuy nhiên, có thể thấy rằng chiến tranh chỉ là những sự kiện đặc biệt của nhân loại, chỉ diễn ra trong những hoàn cảnh và điều kiện nhất định nào đó. Vì vậy, các DSVH & DSTN trong những trường hợp đặc biệt mới chịu sự tác động của chiến tranh hay các cuộc xung đột vũ trang. Những nguyên nhân làm biến đổi và hủy hoại các DSVH & DSTN như chúng tôi đã phân tích ở mục [1.3] không chỉ có chiến tranh mà còn rất nhiều các nguyên nhân khác trong sự phát triển của đời sống kinh tế và văn hóa xã hội.

Vào những năm đầu thập kỉ 60 thế kỷ XX xuất hiện một sự kiện quan trọng là nước Ai Cập dự định xây dựng đập nước Aswan trên sông Nil. Hậu quả của việc xây dựng đập nước này sẽ làm cho toàn bộ đền đài cổ ở Nubia bị nhấn chìm trong biển nước. Cộng đồng thế giới nhận thấy rằng nếu để mất đi những đền đài cổ kính này sẽ là một tổn thất nặng nề không chỉ đối với hai nước Ai Cập và Xu Đàng mà còn là một mất mát lớn của cả nhân loại. Thế nhưng việc cứu trợ những di sản quý giá trên lại đòi hỏi một nguồn kinh phí to lớn cũng như các phương tiện hỗ trợ vượt ra ngoài khả năng của hai nước hữu quan. Do đó, ngày 8/3/1960, ông René Mahue, Tổng giám đốc UNESCO lúc bấy giờ đã phát

đi lời kêu gọi và sau đó thu được 30 triệu USD đóng góp vào quỹ cứu trợ các ngôi đền cổ ở Nubia.

Cũng vào thời gian này trên thế giới xuất hiện nhiều tiếng nói đòi bảo vệ môi trường thiên nhiên và gìn giữ các di sản văn hóa. Từ khi ra đời, Tổ chức UNESCO của Liên hợp quốc đã luôn luôn kêu gọi và giúp đỡ các nước thành viên trên toàn thế giới trong việc nhận dạng, bảo vệ các DSVH & DSTN của nhân loại.

Năm 1965, trong Hội nghị quốc tế về bảo vệ môi trường tại Washington, các quốc gia đã đề nghị thành lập một Tổ chức di sản thế giới nhằm thúc đẩy sự hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ các di tích văn hóa, lịch sử và những thắng cảnh tự nhiên của thế giới trong hiện tại cũng như trong tương lai.

Tại Hội nghị của Liên hợp quốc về môi trường sống của con người nhóm họp ở Stockholm – Thụy Điển năm 1972, Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên thế giới – IUCN một lần nữa cũng đưa ra khuyến nghị này.

Vì vậy, sau khi đã thống nhất quan điểm về những giá trị to lớn của các DSVH & DSTN trong đời sống nhân loại cũng như sự cần thiết phải có một Công ước quốc tế mới có hiệu lực để bảo vệ các di sản này một cách thường xuyên, khoa học và hiện đại, Đại Hội Đồng Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa (UNESCO) của Liên hợp quốc tại Paris từ ngày 17/10 đến ngày 21/11/1972 đã thông qua Công ước về bảo vệ di sản văn hóa và tự nhiên của thế giới – (sau đây được gọi là Công ước Heritage). Công ước này được thông qua tại kỳ họp thứ 17 Hội nghị toàn thể của UNESCO ngày 16/11/1972.

Đến ngày 17/12/1975, Công ước Heritage chính thức có hiệu lực thi hành sau khi được 20 quốc gia thành viên phê chuẩn. Ngày 7/12/1973, Mỹ là nước đầu tiên tham gia Công ước và tiếp theo là 19 nước ở khắp nơi trên thế giới: Ai Cập, Irắc, Bungari, Xu đăng, Angiêri, Oxtâyria, Daia, Nigiêria, Iran, Tuynidi, Pháp, Gióocdani, Nam Tư, Ecuado, Gana, Arập Xiri, Síp và Thụy Sĩ.

Tính đến ngày 28/11/2003, đã có 177 nước tham gia Công ước Heritage. Điều này khiến cho Công ước Heritage không chỉ là “công cụ pháp lý quốc tế” được chấp nhận rộng rãi nhất của UNESCO mà còn là công ước về bảo tồn được phê chuẩn nhiều nhất trên thế giới. Việt Nam đã chính thức tham gia Công ước Heritage vào ngày 19/10/1987, đánh dấu cho việc đưa các DSVH & DSTN của Việt Nam vào kho tàng di sản chung của nhân loại đồng thời đặt chúng trong sự bảo vệ của toàn thế giới.

Sự ra đời của Công ước Heritage cùng với những mục đích thiết thực của nó đã tạo ra những ý nghĩa vô cùng to lớn đối với quốc gia và quốc tế trong việc nhìn nhận, bảo vệ những giá trị của các DSVH & DSTN trên thế giới.

Công ước Heritage như là một trong những phương tiện để nối liền lợi ích

của dân cư một vùng, một quốc gia với lợi ích của toàn thể cộng đồng quốc tế. Quốc gia nào cũng sở hữu một số lượng các DSVH & DSTN đáng kể. Tuy nhiên, “việc bảo vệ di sản đó ở cấp quốc gia thường không được hoàn chỉnh vì việc bảo vệ này đòi hỏi rất nhiều phương tiện nhưng nước có tài sản phải bảo tồn đó lại không có nguồn lực kinh tế, khoa học và kỹ thuật”. Vì vậy, Công ước Heritage ra đời bên cạnh việc đưa ra một định nghĩa thống nhất và những tiêu chuẩn của các DSVH & DSTN, qui định về trách nhiệm của quốc gia và quốc tế trong việc bảo vệ các di sản này, còn qui định việc thành lập Ủy ban liên chính phủ về bảo vệ Di sản thế giới (gọi tắt là Ủy ban Di sản thế giới). Với những ý nghĩa quốc tế đặc biệt đó, Công ước Heritage là cơ sở để tổ chức hoạt động bảo vệ các di sản thế giới một cách thường xuyên và khoa học, góp phần đưa toàn thể nhân loại trở thành “người thừa kế” toàn bộ những DSVH & DSTN trong kho tàng di sản chung của loài người.

#### ***1.4.2 Các tiêu chuẩn để công nhận một di sản là DSVH hoặc DSTN thế giới***

Cho đến trước năm 1972, khi Công ước Heritage ra đời, mỗi quốc gia đều có những quan niệm khác nhau về DSVH & DSTN do chưa có một chuẩn mực chung, những tiêu chuẩn nhất định về các DSTG. Công ước Heritage ra đời với định nghĩa đầy đủ, chính xác về DSVH & DSTN cùng với một hệ thống tiêu chuẩn được xác định chặt chẽ để một tài sản được ghi tên vào danh sách DSTG đã trở thành tiêu chí chung cho quốc gia và quốc tế trong việc lựa chọn và đánh giá các di sản.

Quá trình công nhận và đưa một di sản vào danh sách DSTG không phải là một quá trình lựa chọn và liệt kê đơn giản mà nó phải được thực hiện một cách nhất quán, đầy đủ nhất dựa trên những tiêu chuẩn được xác định chặt chẽ “theo chủ đề và khu vực, phản ánh sự phụ thuộc lẫn nhau của các nền văn hóa, sự bổ sung lẫn nhau của các hệ sinh thái, trong không gian và thời gian nhất định.”

Một di tích, một quần thể kiến trúc hoặc thắng cảnh văn hóa để được công nhận là một DSVH thế giới và đưa vào danh sách các DSTG phải có những “*giá trị quốc tế đặc biệt*” về phương diện lịch sử, nghệ thuật – thẩm mỹ, khoa học... Điều 24 Các hướng dẫn thực hiện Công ước đã cụ thể hóa những “*giá trị quốc tế đặc biệt*” ấy thành các tiêu chuẩn sau đây:

\* *Tượng trưng cho thành tựu nghệ thuật có một không hai, một kiệt tác là sáng tạo của thiên tài, hoặc*

\* *Đã có tác động quan trọng đến hướng phát triển kiến trúc, nghệ thuật*

hoặc qui hoạch đô thị, bài trí phong cảnh, hoặc

\* Là bằng chứng duy nhất và chỉ có một hoặc ít nhất là bằng chứng hiếm thấy về một nền văn minh hoặc truyền thống văn hóa đã biến mất, hoặc

\* Là một minh họa điển hình cho một loại tổng thể kiến trúc hoặc xây dựng, hoặc phong cảnh thể hiện một hoặc nhiều giai đoạn quan trọng trong lịch sử nhân loại, hoặc

\* Là một minh họa điển hình cho cách sinh sống hoặc sử dụng đất đai truyền thống của con người mang tính chất đặc trưng cho một hoặc nhiều nền văn hoá.

Tương tự, các di tích, cảnh vật tự nhiên hoặc khu vực tự nhiên để được công nhận là một DSTN thế giới phải có những “giá trị quốc tế đặc biệt” về phương diện khoa học, bảo tồn hoặc vẻ đẹp thiên nhiên. Qua đó, tiêu chuẩn để xem xét giá trị quốc tế đặc biệt của một DSTN được qui định tại Điều 44 Các hướng dẫn thực hiện Công ước bao gồm:

\* Là những dẫn chứng nổi bật đại diện cho những giai đoạn quan trọng của lịch sử trái đất bao gồm cả bằng chứng về sự sống, các quá trình hoạt động địa chất quan trọng nối tiếp nhau, sự hình thành các tầng địa chất, hoặc

\* Là những dẫn chứng nổi bật đại diện cho các quá trình hoạt động sinh thái và sinh vật học nối tiếp nhau trong sự tiến hóa và phát triển của tự nhiên và các cộng đồng động – thực vật, hoặc

\* Chứa đựng những hiện tượng tự nhiên nổi bật nhất hoặc có những vẻ đẹp tự nhiên độc nhất và có tầm quan trọng về mặt thẩm mỹ,

\* Bao trùm cả những môi trường sống tự nhiên quan trọng nhất và có ý nghĩa nhất đối với việc bảo tồn sinh giới, trong đó cả những môi trường sống của các loài có giá trị toàn cầu, có nguy cơ tuyệt chủng.

Như vậy, hệ thống những tiêu chuẩn của DSVH & DSTN thế giới đã phản ánh được những giá trị quốc tế đặc biệt và ý nghĩa toàn cầu của các di sản thông qua việc xác định các thuộc tính “là bằng chứng duy nhất và chỉ có một”, “là bằng chứng hiếm thấy”, hoặc “là một minh họa điển hình”, “là những dẫn chứng nổi bật”, “những hiện tượng tự nhiên nổi bật nhất”... Những tiêu chuẩn ấy được xây dựng tỉ mỉ trong nhiều năm, qua một thời gian dài nghiên cứu, so sánh và thảo luận giữa các nhà khoa học tự nhiên và các chuyên gia về lịch sử, nghệ thuật và kiến trúc cũng như giữa các nước thành viên của Ủy ban DSTG.

Tuy nhiên, khái niệm “giá trị quốc tế đặc biệt” là một khái niệm rất rộng, do đó sẽ có nhiều cách hiểu khác nhau, không thống nhất và nhất định mang tính chủ quan của mỗi quốc gia với các nền văn hóa khác nhau. Vì vậy, cho đến nay, việc đánh giá và xác định giá trị của một số di sản chỉ có thể quyết định được sau những cuộc tranh luận sôi nổi. Ví dụ, trường hợp đô thị đã tồn tại từ

trước trong lịch sử nay vẫn còn người sinh sống, việc nghiên cứu để đưa vào danh sách DSTG gặp nhiều khó khăn, phần lớn là do tổng thể kết cấu đô thị dễ bị phá vỡ (nhiều trường hợp, tổng thể đã bị phá hủy nghiêm trọng kể từ khi bắt đầu kỉ nguyên công nghiệp) và do tốc độ đô thị hóa quá nhanh những khu vực xung quanh. Để đủ tiêu chuẩn xếp vào danh sách, các đô thị này cần phải được công nhận căn cứ vào lối kiến trúc đáng lưu ý của đô thị, chứ không phải chỉ dựa trên cơ sở suy luận về vai trò có thể đã có của đô thị trong quá khứ hoặc như một biểu tượng lịch sử của đô thị. Theo đó, tổng thể kiến trúc và không gian phải phản ánh một nền văn minh hoặc một chuỗi các nền văn minh là nguyên nhân dẫn đến việc đề cử và công nhận di sản này.

Theo qui định tại Điều 24 và Điều 44 Các hướng dẫn thực hiện Công ước thì một DSVH hoặc DSTN được công nhận là DSTG khi đáp ứng được ít nhất một trong những tiêu chuẩn đã được đưa ra. Vì vậy, sẽ có những di sản mà những đặc điểm và giá trị của chúng đáp ứng được nhiều hơn một tiêu chuẩn đã được qui định, nhất là các DSTN bởi các di sản này thường chứa đựng hầu hết những yếu tố có sự liên hệ phụ thuộc lẫn nhau trong mối quan hệ tự nhiên của chúng. Thực tế, nhiều di sản được công nhận lần đầu tiên khi đáp ứng được một hay một số tiêu chuẩn được qui định phù hợp với Công ước và Các hướng dẫn thực hiện; và sau đó qua quá trình nghiên cứu đã khám phá được nhiều giá trị mới của di sản đáp ứng được những tiêu chuẩn khác thì di sản này vẫn có thể tiếp tục được công nhận là DSTG theo tiêu chuẩn mới này. Ví dụ như Vịnh Hạ Long – Việt Nam được Ủy ban Di sản thế giới công nhận là DSTN thế giới lần đầu tiên vào năm 1994 với giá trị về mặt thẩm mỹ (theo tiêu chuẩn iii được qui định tại Điều 44.a Các hướng dẫn thực hiện Công ước). Sau đó, tiếp tục được công nhận là DSTN thế giới lần thứ hai vào năm 2000 với giá trị về mặt khoa học địa chất (theo tiêu chuẩn i Điều 44.a).

Có thể thấy rằng những tiêu chuẩn được xác định tại Điều 24 và Điều 44 Các hướng dẫn thực hiện Công ước chỉ mới là những “điều kiện cần” để một DSVH hoặc DSTN được công nhận là DSTG; “điều kiện đủ” chính là những điều kiện về chế độ quản lý và bảo vệ di sản đầy đủ bằng pháp luật, giải pháp hành chính, hoặc tập quán truyền thống được qui định tại Điều 24.b đối với các DSVH và những điều kiện về tính thống nhất được qui định tại điều 44.b đối với các DSTN. Những điều kiện về chế độ quản lý và bảo vệ các di sản được đề cử là rất quan trọng bởi vì nó đảm bảo được sự tồn tại của di sản cũng như giá trị nguyên vẹn của di sản trước và sau khi được công nhận là DSTG. Vì vậy, trong đơn đề cử, các quốc gia phải ghi rõ chế độ quản lý và bảo vệ di sản bằng pháp luật, giải pháp hành chính, hoặc tập quán truyền thống, đồng thời phải bảo đảm việc thực thi có hiệu quả các chính sách và chế độ nói trên. Nếu vào thời điểm

di sản được trình lên Ủy ban Di sản thế giới để xét duyệt công nhận mà vẫn chưa có kế hoạch quản lý thì quốc gia đề cử phải cho biết rõ khi nào thì sẽ lập được kế hoạch và dự tính kế hoạch đó sẽ huy động như thế nào những nguồn lực cần thiết phục vụ cho việc chuẩn bị và thực thi kế hoạch. Như vậy, đây là những điều kiện rất cần thiết và được Ủy ban Di sản thế giới xem như là căn cứ để quyết định công nhận và đưa di sản đề cử vào danh sách DSTG hay gác lại hồ sơ và khuyến nghị các quốc gia thực hiện các chế độ quản lý và bảo vệ di sản có hiệu quả hơn. Thực tế, nhiều di sản đề cử không được công nhận là DSTG không phải vì không đáp ứng được các tiêu chuẩn về “*giá trị quốc tế đặc biệt*” mà do biện pháp quản lý và bảo vệ của quốc gia có di sản chưa đủ tầm và hiệu lực để có thể duy trì sự tồn tại và gìn giữ được các giá trị của di sản một cách lâu dài. Ví dụ như Khu phố cổ Thăng Long – Việt Nam, những giá trị văn hóa và lịch sử của khu phố này hoàn toàn đáp ứng được các tiêu chuẩn được qui định trong Công ước Heritage nhưng hiện nay công tác lập hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận là DSVH thế giới đang gặp nhiều khó khăn ở việc đảm bảo các chính sách pháp luật và quản lý nhà nước để bảo vệ di sản trước tác động của quá trình đô thị hóa.

Tóm lại, những tiêu chuẩn và điều kiện được đưa ra trong Công ước Heritage và Các hướng dẫn thực hiện Công ước để công nhận các DSVH & DSTN thế giới đã thể hiện được quan điểm quốc tế về giá trị quan trọng toàn cầu của các di sản. Công ước Heritage không qui định việc bảo vệ các di sản có lợi ích lớn, có giá trị kinh tế cao mà chỉ bảo vệ những tài sản nổi bật nhất được chọn lọc và lập thành một danh sách có tính đại diện chung. Tuy nhiên, những tài sản đã được tuyển chọn để ghi vào danh sách DSTG không phải là những tài sản duy nhất xứng đáng được gìn giữ; thực tế nhiều tài sản có “*giá trị quốc tế đặc biệt*” hiển nhiên không chỉ đối với các nhà chuyên môn mà đối với cả người bình thường, vẫn chưa có mặt trong danh sách vì nhiều lý do khác nhau trong đó một phần là do còn nhiều quốc gia chưa tham gia Công ước. Mặt khác, các DSTG được xếp vào một vị trí ưu đãi như vậy nhằm làm tấm gương khuyến khích việc đề ra chính sách quốc gia hoặc địa phương về việc gìn giữ môi trường tự nhiên và bảo vệ toàn bộ di sản thế giới. Chính vì vậy, Điều 12 Các hướng dẫn thực hiện Công ước một lần nữa đã khẳng định: “Một tài sản văn hóa và tự nhiên nào không được ghi vào danh sách di sản thế giới không hề có nghĩa là nó không có một giá trị quốc tế đặc biệt đối với các mục đích khác với mục đích của việc ghi tên vào danh sách đó.”

#### ***1.4.3 Trình tự, thủ tục lập danh sách DSTG và danh sách DSTG bị nguy hại***

### ***1.4.3.1 Lập danh sách DSTG***

Các DSVH & DSTN được công nhận vào danh sách DSTG theo một trình tự, thủ tục được qui định cụ thể trong Công ước Heritage và Các hướng dẫn thực hiện Công ước. Quá trình đề cử, xem xét, công nhận và đưa các di sản vào danh sách DSTG được thực hiện qua hai bước:

#### ***Bước 1: Lập văn bản đề cử của quốc gia tham gia Công ước***

Các quốc gia tham gia Công ước Heritage sau khi xem xét những đặc điểm văn hóa, tự nhiên của các di sản nằm trên lãnh thổ quốc gia mình phù hợp với các tiêu chuẩn và điều kiện được qui định trong Công ước sẽ tiến hành việc đề cử các di sản của quốc gia mình vào danh sách DSTG.

Nội dung của các đề cử được lập theo Mẫu thống nhất do Ủy ban di sản thế giới thông qua. Trong đó phải đảm bảo những nội dung cơ bản như: tên di sản, vị trí địa lý của di sản, miêu tả vắn tắt di sản, chứng minh về “giá trị quan trọng toàn cầu của di sản phù hợp với các tiêu chuẩn và điều kiện về tính xác thực, thống nhất được qui định trong Công ước Heritage và Các hướng dẫn thực hiện. Ngoài ra, trong hồ sơ đề cử, quốc gia tham gia Công ước phải gửi kèm các văn bản cần thiết khác như: văn bản pháp lý về bảo vệ di sản đề cử và bản giải trình cách thức phát huy hiệu lực của các văn bản pháp lý đó, kế hoạch quản lý di sản, các văn bản có liên quan bao gồm các phim, bản đồ, sơ đồ và các tài “liệu, thông tin về các cơ quan nghiên cứu hoặc bảo vệ di sản...”

Trong tất cả những nội dung trên, việc chứng minh về “giá trị quan trọng toàn cầu” của di sản là quan trọng nhất, bởi vì đây chính là cơ sở để Ủy ban Di sản thế giới xem xét và quyết định công nhận hay không công nhận một tài sản là DSTG. Vì vậy, để hoàn tất được hồ sơ của di sản một cách đầy đủ và hoàn chỉnh, các quốc gia hữu quan phải tiến hành khảo sát, nghiên cứu làm rõ giá trị của di sản, có thể mời các chuyên gia nước ngoài về lĩnh vực liên quan tham gia cố vấn. Việc chứng minh giá trị của di sản bao gồm cả việc so sánh tương quan với các tài sản khác cùng loại, tương tự ở trong hoặc ngoài lãnh thổ của quốc gia có di sản được đề cử. Thí dụ khi nhận xét về các giá trị của Cố đô Huế – Việt Nam, các chuyên gia của UNESCO đã so sánh với những cố đô khác ở Việt Nam và ở khu vực Đông Nam Á: Huế may mắn được lịch sử dành cho sự ưu ái là không bị rơi vào số phận bị mai một như cố đô Cổ Loa, Hoa Lư, Tây Đô ở Việt Nam, đồng thời Huế là cố đô duy nhất trong vùng Đông Nam Á còn bảo lưu được hầu như nguyên vẹn diện mạo của nó, còn các cố đô kia như Pagan (Myanma), Bangkok (Thái Lan), Angkor (Camphuchia) thì hoặc đã bị bỏ trong rừng sâu cho thiên nhiên tàn phá, hoặc đã bị biến đổi do sự phát triển vội vàng

và thiếu cân nhắc của các công trình kiến trúc hiện đại trong đô thị.

Thực tế hiện nay hàng năm Ủy ban Di sản thế giới phải xử lý một số lượng lớn các đề cử từ phía các quốc gia về DSVH & DSTN. Tuy nhiên, danh sách DSTG là một danh sách mang tính đại diện chung nên Ủy ban đã đưa ra khuyến nghị: “các quốc gia nên cân nhắc xem các di sản của mình đã tiêu biểu để đưa vào danh sách hay không và nếu đúng vậy thì tự nguyện giảm tỉ lệ các việc đề xuất tiếp theo của mình”. Tại Hội nghị lần thứ 27 năm 2003, Ủy ban đã tiến hành xem xét, đánh giá 44 hồ sơ đã được các cơ quan chuyên môn quốc tế thẩm định, nhưng sau đó một số nước vì nhận thấy khả năng được công nhận rất khó nên đã tự nguyện rút khỏi danh sách. Cuối cùng, Ủy ban chỉ quyết định công nhận thêm 24 DSTG mới.

Ngoài ra, trường hợp một di sản nằm ngoài biên giới quốc gia thì các quốc gia có liên quan cần phải phối hợp để lập và đệ trình bản đề cử chung. Trong danh sách DSTG hiện nay, có rất nhiều các di sản được công nhận nằm trên lãnh thổ của hai quốc gia như Nhà truyền giáo Jesuit của Guaranis nằm trên lãnh thổ của Achentina và Braxin, Khu bảo tồn Wrangell và Vườn quốc gia vịnh sông Băng được ghi trong danh sách với tên của hai quốc gia Hoa Kỳ và Canada...

### *Bước 2: Các hoạt động thẩm định, đánh giá các đề cử của Ủy ban Di sản thế giới*

Sau khi tiếp nhận các hồ sơ đề cử từ phía các quốc gia tham gia Công ước, Ban thư ký của Ủy ban DSTG sẽ tiến hành thẩm tra qua các nội dung và tài liệu kèm theo của đơn đề cử:

- Nếu các đơn đề cử không hoàn chỉnh, Ban thư ký sẽ yêu cầu các quốc gia bổ sung những thông tin còn thiếu.

- Nếu hồ sơ đề cử đã hoàn chỉnh, Ban thư ký sẽ chuyển đến Hiệp hội quốc tế về di tích và di chỉ (ICOMOS) đối với các hồ sơ đề cử DSVH hoặc Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên thế giới (IUCN) đối với các hồ sơ đề cử DSTN.

Các tổ chức phi chính phủ này sẽ tiến hành thẩm định chuyên môn từng đơn đề cử phù hợp với tiêu chuẩn đã được qui định. Việc thẩm định chuyên môn của ICOMOS và IUCN được tiến hành qua các bước tổng hợp dữ liệu, đánh giá khách quan, khảo sát thực địa và lập báo cáo đánh giá để trình lên Ban lãnh đạo của Ủy ban Di sản thế giới.

Ban lãnh đạo sẽ tiến hành xem xét các báo cáo đánh giá của ICOMOS và IUCN và đưa ra các khuyến nghị trình lên Ủy ban Di sản thế giới theo bốn loại sau:

- 1 Các di sản đề nghị đưa vào danh sách DSTG
- 2 Các di sản không được đề nghị đưa vào danh sách DSTG
- 3 Các tài sản cần phải chuyển lại cho quốc gia đề nghị để bổ sung các thông tin hoặc văn bản
- 4 Các tài sản mà việc thẩm định cần được dựa trên đánh giá sâu hơn hoặc cần nghiên cứu thêm

Cuối cùng Ủy ban Di sản thế giới sẽ tiến hành họp để quyết định công nhận hoặc không công nhận một di sản là DSTG. Số thành viên tham dự cuộc họp phải nhiều hơn 1/2 số thành viên của Ủy ban và thể thức quyết định của Ủy ban là quyết định theo đa số ( 2/3 số thành viên của Ủy ban có mặt). Mọi quyết định của Ủy ban sẽ được thông báo đến tất cả các quốc gia tham gia Công ước.

Sau khi một tài sản được công nhận và ghi tên vào danh sách DSTG, “mỗi quốc gia tham gia Công ước cùng thừa nhận nghĩa vụ đảm bảo việc xác định, bảo vệ, bảo tồn, duy trì và chuyển giao cho các thế hệ tương lai DSVH & DSTN nằm trong lãnh thổ quốc gia mình”. Nếu nghĩa vụ trên không được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ dẫn đến di sản bị xuống cấp nghiêm trọng thì Ủy ban có thể đưa ra xem xét để xóa tên di sản này ra khỏi danh sách DSTG. Một di sản bị xuống cấp nghiêm trọng được hiểu trong trường hợp khi di sản đó giảm giá trị đến mức mất đi các đặc điểm lúc nó được quyết định đưa vào danh sách DSTG (không thể phục hồi lại được), hoặc khi các phẩm chất xác thực của một vùng DSTG đã bị đe dọa bởi các hoạt động của con người tại thời điểm nó được đề cử và nếu các biện pháp sửa chữa cần thiết do quốc gia ký kết đề ra tại thời điểm đó đã không thực hiện trong khoảng thời gian dự kiến.

#### ***1.4.3.2 Lập danh sách DSTG bị nguy hại***

Nhiều DSVH & DSTN thế giới luôn phải đứng trước những nguy cơ bị hủy hoại và có thể biến mất như thiên tai, chiến tranh, do sự phát triển nhanh chóng về đô thị hóa và du lịch, do những đề án xây dựng các công trình lớn của con người, do những thay đổi trong sử dụng đất hoặc bị bỏ hoang phế vì những nguyên nhân nào đó... Nếu không có những chính sách đặc biệt trong quản lý và bảo tồn các di sản này, danh sách DSTG sẽ có thể bị giảm đi sau một thời gian ngắn. Chính vì vậy, Ủy ban DSTG có thể xem xét và đưa những di sản đã được công nhận là DSTG , hiện tại đang bị đe dọa bởi những “*nguy hại cụ thể và nghiêm trọng*”, cần phải tôn tạo nhiều vào danh sách DSTG bị nguy hại.

Theo Điều 14, Khoản 4 Công ước Heritage thì Ủy ban có thể đưa một di sản vào danh sách DSTG bị nguy hại với những điều kiện sau:

- 1 Di sản là tài sản được ghi trong danh sách DSTG

- 2 Di sản đang bị đe dọa bởi nguy hại cụ thể và nghiêm trọng
- 3 Cần thiết có các hoạt động lớn để bảo vệ di sản
- 4 Cần có sự hỗ trợ quốc tế để bảo vệ di sản

Những “*nguy hại cụ thể và nghiêm trọng*” theo Điều 71 và Điều 72 Các hướng dẫn thực hiện Công ước bao gồm các nguy hại đã xác định và nguy hại tiềm tàng:

☒ Nguy hại đã xác định là trường hợp di sản sắp bị đe dọa bởi một nguy hại cụ thể đã được chứng minh. Ví dụ: một DSVH mất phần lớn các giá trị và ý nghĩa lịch sử hoặc một DSTN bị xuống cấp trầm trọng về đẹp thiên nhiên hay giá trị khoa học do tác động của con người. Trường hợp của DSVH Angkor ở Campuchia, do chạy theo lợi ích của đồng tiền, nhiều người đã phá các mảnh điêu khắc trên một số công trình để bán ra nước ngoài khiến cho di sản này bị đe dọa nghiêm trọng.

☒ Nguy hại tiềm tàng là trường hợp di sản bị đe dọa tác động có hại đến những đặc tính vốn có của nó. Ví dụ: các di sản bị xuống cấp do thiếu chính sách quản lý, bảo vệ hoặc kế hoạch quản lý không được thực hiện.

Ngoài ra, Ủy ban luôn xem xét, phát hiện các nguyên nhân chưa được biết tới hoặc lường trước có thể gây nguy hại cho các DSVH & DSTN để từ đó có thể đưa ra các biện pháp bảo vệ và tôn tạo hiệu quả. Danh sách DSTG bị nguy hại tính đến ngày 5/7/2003 có 35 di sản, chiếm gần 4,7% trong tổng số 754 DSTG được công nhận. Việc đưa một tài sản vào danh sách DSTG bị nguy hại là nhằm mục đích bảo vệ đặc biệt các di sản này. Vì vậy, Ủy ban sẽ vạch ra chương trình hành động khắc phục trong đó phân bổ một phần tài chính từ Quỹ DSTG để hỗ trợ cho chương trình này. Quốc gia tham gia Công ước có di sản bị nguy hại sẽ phối hợp để thực hiện các biện pháp khắc phục.

## **1.5 Các hoạt động bảo vệ DSTG của quốc gia và quốc tế theo Công ước Heritage**

Công ước Heritage đã tạo ra một “cơ sở vật chất và tinh thần” to lớn cho mỗi quốc gia và cả quốc tế trong hoạt động gìn giữ và bảo vệ các DSVH & DSTN của thế giới. Có thể nói “mọi cộng đồng đều có thể tìm thấy ở Công ước một hậu thuẫn cho việc gìn giữ bản sắc văn hóa của mình, hậu thuẫn đó cao hơn sự hỗ trợ vật chất”. Tuy nhiên, sự “hậu thuẫn” trên của quốc tế trong hoạt động bảo vệ các DSTG theo Công ước Heritage không phải là sự “thay thế công việc của nước hữu quan để hoàn thành một cách có hiệu quả” mà sự giúp đỡ ấy sẽ tạo ra những điều kiện và động lực để các quốc gia thực hiện tốt nghĩa vụ cao cả của mình trong việc gìn giữ và bảo vệ các DSVH & DSTN trên lãnh thổ của

mình.

### ***1.5.1 Các hoạt động từ phía quốc tế***

Công ước Heritage qui định: “Sự bảo vệ quốc tế đối với các di sản văn hóa và tự nhiên của thế giới là việc thành lập một hệ thống hợp tác và viện trợ quốc tế nhằm hỗ trợ các nước tham gia Công ước trong các nỗ lực để bảo tồn và xác định di sản đó” đồng thời sự bảo vệ của quốc tế nói trên được thực hiện “với tinh thần hoàn toàn tôn trọng chủ quyền của quốc gia có di sản văn hóa và tự nhiên, không làm thiệt hại đến các quyền lợi cụ thể dự kiến trong luật pháp quốc gia về di sản đó.”

#### ***1.5.1.1 Hệ thống các cơ quan của Công ước Heritage***

✘ Đại hội toàn thể các quốc gia thành viên tham gia Công ước họp hai năm một lần trong thời gian diễn ra kỳ họp của Đại hội đồng UNESCO nhằm bầu ra Ủy ban Di sản thế giới, xem xét tình hình tài chính của Quỹ Di sản thế giới và quyết định các chính sách lớn liên quan đến việc bảo vệ các DSVH & DSTN của thế giới.

✘ Ủy ban Di sản thế giới là cơ quan chuyên trách được các quốc gia thành viên của Công ước Heritage bầu chọn nhằm đại diện cho đại hội toàn thể thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn trong việc bảo vệ, gìn giữ và phát triển các DSTG. Điều 3 Các hướng dẫn thực hiện Công ước qui định các chức năng của Ủy ban Di sản thế giới như sau:

- Xem xét và đưa vào danh sách DSTG và danh sách DSTG bị nguy hại các DSVH & DSTN của các quốc gia.

- Xác định tiêu chuẩn cho việc đưa ra một DSVH & DSTN vào các danh sách trên.

- Tiếp nhận, xem xét và quyết định đơn xin viện trợ quốc tế nhằm bảo vệ, tôn tạo các di sản.

- Quyết định việc sử dụng các nguồn lực của công quỹ và tìm mọi biện pháp để tăng cường các nguồn lực này.

Số thành viên của Ủy ban Di sản thế giới gồm 21 thành viên đại diện cho các vùng, các nền văn hóa khác nhau trên thế giới. Ủy ban Di sản thế giới nhiệm kỳ 2003 đến 2005 gồm các nước: Argentina, Chilê, Trung Quốc, Côlômbia, Ai Cập, Ấn Độ, Nhật, Libăng, Nigieria, Litva, Bênanh, Hà Lan, Niu Dilân, Na Uy, Oman, Bồ Đào Nha, Liên Bang Nga, Xanta Luxia, Anh, Ailen, Nam Phi.

✘ Ban lãnh đạo gồm 7 nước được bầu từ các nước thành viên trong Ủy ban Di sản thế giới có nhiệm vụ chuẩn bị các hoạt động và đưa ra các khuyến nghị cho những quyết định cuối cùng của Ủy ban Di sản thế giới trong các kỳ họp của Ủy ban. Ban lãnh đạo hiện tại được bầu trong kỳ họp 27 ngày 30/6/2003 của Ủy ban gồm: Xanta Luxia, Trung Quốc, Nam Phi, Achentina, Nigiêri, Oman và Anh.

✘ Ban thư ký do Tổng giám đốc UNESCO đề cử có nhiệm vụ giúp Ủy ban Di sản thế giới thực hiện đầy đủ các chức năng của mình như triển khai các chương trình hành động đến các quốc gia tham gia Công ước, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin, xử lý hồ sơ đề cử, các yêu cầu hỗ trợ...

✘ Bên cạnh đó, Ủy ban Di sản thế giới còn có một bộ phận tư vấn về chuyên môn bao gồm:

1 Trung tâm nghiên cứu quốc tế về bảo tồn và phục chế tài sản văn hóa (ICOROM) được thành lập từ năm 1956. ICOROM sẽ cung cấp cho Ủy ban những thông tin cũng như các khuyến nghị để gìn giữ các tài sản văn hóa trong danh sách DSTG một cách hiệu quả nhất, đồng thời huấn luyện kỹ thuật, phương pháp bảo tồn và phục chế DSVH cho các quốc gia.

2 Hội đồng quốc tế về di tích và thắng cảnh (ICOMOS) được thành lập năm 1965 và Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên thế giới (IUCN) được thành lập năm 1948 là những tổ chức phi chính phủ giúp Ủy ban trong việc thẩm định, đánh giá các DSVH & DSTN để lập danh sách DSTG, danh sách DSTG bị nguy hại, cũng như để giải quyết các yêu cầu về hỗ trợ...

✘ Trung tâm Di sản thế giới được thành lập năm 1992 và được xem như là cơ quan góp phần đảm bảo cho việc thực hiện Công ước Heritage. Trung tâm này sẽ tổ chức các phiên họp hàng năm của Ủy ban và Ban lãnh đạo, đưa ra các khuyến nghị cho các nước thành viên trong việc bảo tồn và xác định di sản, đồng thời chịu trách nhiệm quản lý Quỹ Di sản thế giới. Trung tâm Di sản thế giới còn có vai trò là “cơ quan ngôn luận” của Ủy ban, có nhiệm vụ cập nhật danh sách và cơ sở dữ liệu liên quan đến DSTG, phổ biến các ấn phẩm về DSTG trên các phương tiện thông tin đại chúng...

✘ Ngoài ra, một số tổ chức quốc tế như Hội đồng quốc tế các bảo tàng (ICOM), Tổ chức các thành phố DSTG (OWHC) góp phần tạo nên sự đoàn kết và mối quan hệ hợp tác giữa các quốc gia trong việc trao đổi kiến thức, kỹ thuật quản lý, bảo vệ các DSTG.

### ***1.5.1.2 Quỹ Di sản thế giới và các hình thức hỗ trợ quốc tế từ Quỹ Di sản thế giới***

Quỹ bảo vệ Di sản thế giới (Quỹ Di sản thế giới) được tạo thành căn cứ vào điều lệ tài chính của UNESCO, góp phần trong việc tạo ra những nguồn hỗ trợ quốc tế về kỹ thuật và tài chính cho những quốc gia có nguồn tài lực hạn chế trong việc bảo vệ và phát triển các DSVH & DSTN. Bên cạnh đó, các nguồn hỗ trợ từ Quỹ Di sản thế giới còn góp phần kích thích các nguồn lực địa phương, động viên sự hỗ trợ ở mọi cấp quốc gia lẫn quốc tế cho việc bảo tồn các di sản chung của nhân loại.

Nguồn của Quỹ Di sản thế giới được thu từ những đóng góp bắt buộc (không quá 1% sự đóng góp vào quỹ của UNESCO) và những đóng góp tự nguyện của các quốc gia. Ngoài ra, Quỹ còn có các nguồn thu khác như các khoản quà tặng của các tổ chức hoặc cá nhân, các khoản quyên góp và các nguồn lực khác...

Ngân sách hàng năm của Quỹ Di sản thế giới khoảng 3,5 triệu USD. Trong kỳ họp hàng năm của mình, Ủy ban Di sản thế giới sẽ lập dự toán ngân sách trong năm dựa trên nguồn thu và cân đối phù hợp với tài khoản hiện có của Quỹ.

Hỗ trợ quốc tế từ Quỹ Di sản thế giới được phân chia dưới các hình thức: hỗ trợ trước, hỗ trợ khẩn cấp, đào tạo, hợp tác kỹ thuật và hỗ trợ cho các hoạt động thúc đẩy. Năm 2002, ngân sách của Quỹ Di sản thế giới là 2,81 triệu USD được Ủy ban phân chia cho nhiều hoạt động, trong đó: hỗ trợ trước được cấp 358.654 USD, hợp tác kỹ thuật 693.338 USD, đào tạo 910.670 USD, hỗ trợ cho các hoạt động thúc đẩy 55.100 USD và hỗ trợ khẩn cấp 789.266 USD.

☒ Hỗ trợ trước được thực hiện theo hình thức các dịch vụ tư vấn, cung cấp trang thiết bị hoặc cung cấp tài chính cho các quốc gia để tổ chức các cuộc họp thống nhất danh sách dự kiến đề cử, chuẩn bị yêu cầu hợp tác kỹ thuật... Mức ngân sách chi cho mỗi dự án hỗ trợ này được ấn định là 15000 USD.

☒ Hỗ trợ khẩn cấp là hình thức hỗ trợ cho các DSVH & DSTN đã được đưa vào hoặc có thể được đề cử đưa vào danh sách DSTG đang bị nguy hại do các hiện tượng bất ngờ không thể lường trước như lún đất, cháy nổ, lũ lụt ... hoặc bị xuống cấp nghiêm trọng do các quá trình mục nát, ăn mòn do sự đô thị hóa và tăng dân số... Ví dụ tháng 12/1999, Ủy ban Di sản thế giới đã hỗ trợ khẩn cấp cho Huế và Hội An 50.000 USD sau trận lụt lớn vào tháng 11/1999 và hỗ trợ khẩn cấp cho việc đo đạc, sửa chữa và khôi phục tu viện Monastery ở Puebla – Mêhicô bị thiệt hại nghiêm trọng sau trận động đất ở phía Nam Mêhicô 100.000 USD.

☒ Đào tạo là sự giúp đỡ của Ủy ban Di sản thế giới cho các quốc gia tham gia Công ước trong việc đào tạo chuyên gia ở mọi trình độ trong lĩnh vực xác định, bảo vệ, duy trì và khôi phục các di sản phù hợp với việc thực hiện Công

ước.

✘ Hợp tác kỹ thuật là hình thức hỗ trợ từ Ủy ban Di sản thế giới bằng việc cung cấp chuyên viên, kỹ thuật viên, cung cấp trang thiết bị để giúp các quốc gia hữu quan thực hiện tốt dự án bảo vệ di sản đã được chuẩn y.

✘ Hỗ trợ cho các hoạt động thúc đẩy được thực hiện dưới các hình thức giúp đỡ nhằm khuyến khích việc mở rộng sự hiểu biết về Công ước, trao đổi kinh nghiệm giữa các quốc gia hoặc để lập các hiệp hội di sản thế giới phù hợp với mục đích của Công ước.

### ***1.5.2 Các hoạt động từ phía quốc gia***

Để đảm bảo cho việc thực hiện Công ước Heritage, các quốc gia tham gia Công ước phải xác định trách nhiệm trong việc xác định, bảo vệ, tôn tạo và truyền lại cho các thế hệ tương lai những DSVH & DSTN nằm trên lãnh thổ của mình là trách nhiệm trước tiên. Do đó, mỗi quốc gia phải nỗ lực hành động cho các mục đích trên bằng nguồn lực sẵn có kết hợp với viện trợ và hợp tác quốc tế. Việc hợp tác nhằm bảo vệ các di sản phải được thực hiện trên tinh thần tôn trọng chủ quyền của các quốc gia và không kèm theo một điều kiện chính trị nào. Điều 5 Công ước Heritage qui định các mặt công tác mà các quốc gia tham gia Công ước phải thực hiện nhằm đảm bảo cho việc bảo vệ các DSVH & DSTN thế giới một cách tích cực và hiệu quả:

- Đề ra một chính sách chung để trao cho DSVH & DSTN một chức năng nhất định trong đời sống cộng đồng và đưa việc bảo vệ di sản đó vào các chương trình kế hoạch chung về phát triển.

- Thành lập trên lãnh thổ của mình một hoặc một số cơ quan bảo vệ, bảo tồn và tôn tạo các DSVH & DSTN.

- Phát triển các công trình nghiên cứu và tìm tòi khoa học kỹ thuật và cải tiến các phương pháp cho phép ứng phó với những tai họa đang đe dọa các di sản.

- Áp dụng các biện pháp pháp luật, khoa học kỹ thuật, hành chính và tài chính thích hợp để xác định, bảo vệ, tôn tạo và tái sử dụng di sản đó.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập và phát triển các trung tâm quốc gia hoặc vùng về đào tạo cán bộ trong lĩnh vực bảo vệ, bảo tồn và tôn tạo các DSVH & DSTN, khuyến khích việc nghiên cứu khoa học về lĩnh vực này.

- Ngoài ra các quốc gia cần thực hiện tốt các chương trình giáo dục và thông tin để người dân mỗi nước nhận thức giá trị và gắn bó hơn với các DSVH & DSTN thế giới.

